

Số: /2026/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 10 tháng 6 năm 2026

DỰ THẢO LẦN 2

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ học sinh và hoạt động bán trú, nội trú tại các trường giáo dục chuyên biệt trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Căn cứ Thông tư số 27/2024/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường, lớp dành cho người khuyết tật;

Xét Tờ trình số 440/TTr-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi hỗ trợ học sinh và hoạt động bán trú, nội trú tại các trường giáo dục chuyên biệt trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau thẩm tra); Báo cáo thẩm tra số 186/BC-HĐND ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi hỗ trợ học sinh và hoạt động bán trú, nội trú tại các trường giáo dục chuyên biệt trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi hỗ trợ học sinh và hoạt động bán trú, nội trú tại các trường giáo dục chuyên biệt trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trẻ em, học sinh (gọi chung là học sinh) học tại các trường giáo dục chuyên biệt trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nội dung và mức chi hỗ trợ học sinh

1. Tiền ăn

a) Bán trú: Mầm non 950.000 đồng/học sinh/tháng; Tiểu học 1.380.000 đồng/học sinh/tháng; Trung học cơ sở 2.050.000 đồng/học sinh/tháng; Trung học phổ thông 2.100.000 đồng/học sinh /tháng;

b) Nội trú: Mầm non 1.750.000 đồng/học sinh/tháng; Tiểu học 2.400.000 đồng/học sinh/tháng; Trung học cơ sở 3.550.000 đồng/học sinh/tháng; Trung học phổ thông 3.650.000 đồng/học sinh/tháng.

2. Sinh hoạt phí: 90.000 đồng/học sinh/tháng.

3. Đồng phục và đồ dùng học tập: 1.080.000 đồng/học sinh/năm học.

4. Bảo hiểm y tế cho các học sinh khuyết tật nhẹ có hộ khẩu thường trú tại các xã, phường không nằm trong danh sách được công nhận xã, phường an toàn khu chưa được địa phương mua bảo hiểm y tế: 4,5% lương cơ sở/tháng.

5. Khen thưởng trong năm học: 800.000 đồng/học sinh đối với danh hiệu “học sinh Xuất sắc”, 600.000 đồng/học sinh đối với danh hiệu “học sinh Giỏi”, 400.000 đồng/học sinh tiểu học đối với danh hiệu “học sinh tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện”.

6. Kiểm tra thính lực: 750.000 đồng/học sinh/năm học.

7. Nội dung, mức chi hỗ trợ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này hưởng không quá 9 tháng/năm học.

8. Học sinh thuộc đối tượng được hưởng mức chi hỗ trợ tại Nghị quyết này nếu được hưởng nhiều chính sách tương đồng quy định tại các văn bản khác nhau của cấp thẩm quyền thì chỉ được hưởng một chính sách, chế độ hỗ trợ cao nhất.

Điều 4. Nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động bán trú, nội trú tại trường

1. Trang cấp đồ dùng cá nhân mỗi 02 năm học được trang cấp một lần (Chăn, màn và các đồ dùng cá nhân khác): Mức chi hỗ trợ 510.000 đồng/học sinh bán trú, 1.150.000 đồng/học sinh nội trú.

2. Tổ chức các phong trào, hoạt động đặc thù, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và mua sắm bổ sung dụng cụ, thiết bị phục vụ học sinh: Mức chi hỗ trợ 5% tiền ăn của học sinh tương ứng từng cấp học.

3. Tổ chức khám sức khỏe hàng năm cho học sinh, lập tủ thuốc dùng chung, mua thuốc thông thường, đồ dùng y tế: Mức chi hỗ trợ 270.000 đồng/học sinh/năm học.

4. Mua sắm, bổ sung, sửa chữa dụng cụ nhà ăn, nhà bếp: Mức chi hỗ trợ 180.000 đồng/học sinh/năm học.

5. Làm thẻ, phù hiệu học sinh: Mức chi hỗ trợ 50.000 đồng/học sinh/năm học.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ do ngân sách nhà nước đảm bảo trong dự toán ngân sách hằng năm của đơn vị theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.
2. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa XI, Kỳ họp thứ 3 (chuyên đề) thông qua ngày 10 tháng 6 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và TCTHPL);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các phường, xã;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thiều